

## Mục lục

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: Tổng quan về kinh tế xanh.....</b>	<b>2</b>
<b>1.1. Một số khái niệm .....</b>	<b>2</b>
1.1.1. Khái niệm kinh tế xanh .....	2
1.1.2. Khái niệm về tăng trưởng xanh.....	3
1.1.3. Tăng trưởng xanh – một mô hình tăng trưởng mới .....	4
<b>1.2. Sự ra đời của kinh tế xanh .....</b>	<b>4</b>
<b>1.3. Đặc trưng của kinh tế xanh.....</b>	<b>6</b>
<b>Chương 2: Nội dung của xu hướng tăng trưởng xanh .....</b>	<b>8</b>
<b>2.1. Những xu hướng tăng trưởng xanh trên thế giới .....</b>	<b>8</b>
2.1.1. Nền kinh tế xanh ghi nhận vai trò đầu tư vào vốn tự nhiên .....	9
2.1.2. Nền kinh tế xanh sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ các bon thấp thay thế cho nhiên liệu hóa thạch.....	12
2.1.3. Một nền kinh tế xanh khuyến khích sử dụng nguồn lực và năng lượng có hiệu quả hơn .....	13
2.1.4. Nền kinh tế xanh hướng tới lối sống đô thị bền vững và giao thông các bon thấp .....	15
<b>2.2. Một số mô hình kinh tế xanh trên thế giới .....</b>	<b>17</b>
<b>2.3. Đánh giá chung.....</b>	<b>22</b>
<b>Chương 3: Việt Nam với xu hướng tăng trưởng kinh tế xanh .....</b>	<b>23</b>
<b>3.1. Tầm quan trọng của kinh tế xanh với Việt Nam .....</b>	<b>23</b>
<b>3.2. Thực trạng tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam .....</b>	<b>24</b>
<b>3.3. Định hướng tăng trưởng kinh tế xanh của Đảng .....</b>	<b>26</b>

<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>28</b>
-----------------------	-----------

<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>29</b>
---	-----------

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>TÊN TIẾNG ANH</b>	<b>TÊN TIẾNG VIỆT</b>
BRT	Bus Rapid Transit	Hệ thống xe bus nhanh
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
GEI	Green Economy Initiative	Sáng kiến về nền kinh tế xanh
GGND	Global Green New Deal	Thỏa thuận xanh toàn cầu
GHG	Green House Gas	Khí nhà kính
HSF	Hanns Seidel Foudation	Quỹ Hanns Seidel Foudation
JICA	Japan International Cooperation Agency	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ phát triển chính thức
OECD	Organization for Economic Cooperation and Development	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
R&D	research & development	Nghiên cứu và triển khai
REDD	Reduced Emission from Deforestation and Forest Degradation	Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng
UNEP	United Nations Environment Programme	Chương Trình Môi trường Liên hợp quốc
UNESCAP	United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific	Ủy ban Liên hợp quốc về kinh tế và xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU HÌNH VẼ**

**Bảng 2.1:** Vốn tự nhiên: Những hợp phần cấu thành cùng các minh họa về dịch vụ và giá trị.

**Hình 2.1:** Đầu tư vào năng lượng bền vững, giai đoạn 2004-2009

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Các cuộc khủng hoảng mang ý nghĩa báo hiệu về sự cần thiết phải tìm kiếm những công cụ mới, và chuyển đổi mẫu hình hiện có để giải quyết các vấn đề trong quá trình phát triển ở giai đoạn tiếp theo. Lý thuyết về sự thay đổi mẫu hình ngày nay không chỉ được áp dụng trong khuôn khổ các bộ môn khoa học tự nhiên. Trước các cuộc khủng hoảng liên tiếp về kinh tế, biến đổi khí hậu, nhân đạo và những cảnh báo về giới hạn khai thác tài nguyên và dịch vụ hệ sinh thái, sự cần thiết phải chuyển dịch mô hình kinh tế, mô hình tăng trưởng hiện có đã được nhiều tổ chức, nhiều quốc gia đặt ra.

Ngay trong nửa sau của thập niên đầu thế kỉ 21, hướng tiếp cận “Nền kinh tế xanh” được phát triển. Nhiều tổ chức quốc tế và khu vực như Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP), OECD, cũng như một số quốc gia phát triển và đang phát triển, nghiên cứu, xây dựng chiến lược chuyển dần theo hướng xanh hóa nền kinh tế; lấy việc giảm nhẹ và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển không chất thải, phục hồi và đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển công nghệ sạch, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo,... làm động lực phát triển.

Vì vậy, “ Xu hướng tăng trưởng xanh” là một vấn đề nóng hổi và mang tính thực tiễn cao. Trong chuyên đề này, chúng tôi sẽ giới thiệu những khái niệm, xu hướng cơ bản nhất của “Tăng trưởng xanh”; sau đó đưa ra những ví dụ thực chứng về xu hướng này ở một số nước trên thế giới. Mục đích của chuyên đề là giới thiệu, làm sáng rõ những nội dung cơ bản của “Xu hướng tăng trưởng xanh”

## **Chương 1: Tổng quan về kinh tế xanh**

### ***1.1. Một số khái niệm***

#### *1.1.1. Khái niệm kinh tế xanh*

Một số quan điểm về kinh tế xanh như:

*Kinh tế xanh* có thể được định nghĩa là một trong những biện pháp giúp nâng cao đời sống của con người và thúc đẩy công bằng xã hội, trong khi làm giảm thiểu đáng kể rủi ro cho môi trường và cạn kiệt tài nguyên.

*Kinh tế xanh* là nền kinh tế mà chính sách tăng trưởng dựa vào các tiêu chí sau: định hướng là thị trường, nền tảng là các nền kinh tế truyền thống, mục tiêu là sự hòa hợp của kinh tế và môi trường. Động lực mới của nền “kinh tế xanh” đó là bảo vệ môi trường, tăng trưởng công nghệ sản xuất sạch và năng lượng sạch, nhanh chóng đạt được mức tăng trưởng kinh tế bền vững.

*Theo Chương trình Môi trường Liên Hợp quốc (UNEP)*

*Kinh tế xanh (Green Economy)* là nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái.

Nói một cách đơn giản, nền kinh tế xanh có mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới công bằng xã hội.

Trong nền kinh tế xanh, tăng trưởng về thu nhập và việc làm được tạo ra thông qua những khoản đầu tư của nhà nước và tư nhân giúp giảm thiểu phát thải các-bon, giảm ô nhiễm, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, và ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái. Những khoản đầu tư này cần sự xúc tác và hỗ trợ thông qua chi tiêu công có mục đích, cải tổ chính sách và ban hành các quy định mới. Đường lối tăng trưởng phải duy trì, cải thiện nguồn vốn tự nhiên và phục hồi nếu cần thiết, bởi đây là tài sản kinh tế quan trọng và là nguồn

lợi chung, đặc biệt đối với những người nghèo bởi sinh kế và an ninh của họ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

### *1.1.2. Khái niệm về tăng trưởng xanh*

*Theo tổ chức Sáng kiến tăng trưởng xanh của Liên Hợp Quốc:*

Tăng trưởng xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội.

*Theo OECD:*

Tăng trưởng xanh là cách thức để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng đồng thời bảo tồn môi trường, ngăn chặn sự mất mát về đa dạng sinh học và giảm thiểu việc sử dụng không bền vững tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời, nó là chiến lược kinh tế để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng bền vững.

*Định nghĩa tăng trưởng xanh của Việt Nam:*

Tăng trưởng xanh ở Việt Nam là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

### *1.1.3. Tăng trưởng xanh – một mô hình tăng trưởng mới*

Trong quá trình phát triển kinh tế của loài người, đã có rất nhiều mô hình phát triển kinh tế. Trên thực tế, cũng có rất nhiều cách khác nhau để phân chia, phân biệt các mô hình này. Tuy nhiên, trên góc độ nghiên cứu của chuyên đề, có thể nói rằng từ trước đến nay, có ba mô hình tăng trưởng kinh tế chính.

*Mô hình tăng trưởng nâu.* Mô hình này tồn tại trước những năm 1972. Mô hình này chú trọng phát triển kinh tế trước, bảo vệ môi trường sau.

*Mô hình phát triển bền vững, lồng ghép phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.* Mô hình này lồng ghép bảo vệ môi trường vào tăng trưởng kinh tế để phát triển. Xu hướng này xuất hiện từ những năm 1970s và hiện nay vẫn còn tồn tại.

*Mô hình phát triển bền vững, coi tăng trưởng xanh là công cụ để đạt phát triển bền vững,* lấy việc bảo vệ môi trường, và giảm phát thải các bon làm động lực cho tăng trưởng kinh tế. Mô hình này mới xuất hiện từ nửa cuối thập niên đầu thế kỉ 21 và phát triển trong một vài năm trở lại đây.

### *1.2. Sự ra đời của kinh tế xanh*

Trong thời gian qua, các quốc gia trên thế giới phải đối mặt với một tình hình chung đó là các thách thức do hậu quả của các cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội xảy ra liên tiếp tại nhiều quốc gia. Tình trạng càng trở nên trầm trọng hơn trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng có nhiều diễn biến phức tạp, dân số thế giới ngày càng tăng cao kéo theo nhu cầu về nước, đất, nơi cư trú, năng lượng... cũng tăng nhanh chưa từng có. Cùng với đó, quá trình tăng trưởng kinh tế chưa chú ý đến môi trường, tài nguyên ngày càng cạn kiệt, lãng phí tài nguyên trong sản xuất và tiêu dùng đang là những thách thức lớn đối với các quốc gia.

Theo số liệu thống kê, diện tích rừng trên thế giới đã giảm khoảng 40%, 50% diện tích đất ngập nước đã biến mất từ năm 1900. Tỷ lệ loài tuyệt chủng do con người gây ra cao gấp 1000 lần tỷ lệ tuyệt chủng trong tự nhiên. Hiện có khoảng 60% các hệ sinh thái trên trái đất cũng như nguồn lợi từ các hệ sinh thái đó đang suy giảm. Ước tính khoảng 7,5 triệu km<sup>2</sup> (tương đương với diện tích của Australia) tự nhiên biến mất từ năm 2000 đến năm 2050. Lượng khí thải CO<sub>2</sub> thế giới xả ra năm là lấp kín hồ Geneva... “Báo động đỏ” về tình trạng môi trường và biến đổi khí hậu, rằng đây có thể là một trong những nhân tố chính làm mất cơ hội nuôi sống hơn 9 tỷ công dân của hành tinh vào năm 2050 (dự tính đến 2050 dân số thế giới sẽ lên đến 9,2 tỷ). Tuy nhiên, từ 1975 đến nay, cũng đã có tới 1,7 triệu người chết trong 23 đại họa thiên tai và chiều hướng này đang tăng. Hiện 900 triệu người phải sống trong các khu ổ chuột với tốc độ phát sinh 25 triệu người/năm. Trong khi đó, sự lãng phí của xã hội dư thừa cũng góp phần đáng kể vào lượng lương thực và thực phẩm đang bị vứt bỏ hoặc sử dụng lãng phí trên thế giới. Người ta tính được rằng, việc tái chế lại và tối đa hiệu quả dây chuyền sản xuất lương thực hiện nay có thể nuôi sống phần dân số gia tăng từ nay đến 2050. Trong khi đó, giá dầu lên xuống thất thường và tình hình ảm đạm của kinh tế toàn cầu, cùng với cuộc khủng hoảng lương thực cách đây đúng một năm rất có thể chỉ là sự mở đầu cho một cuộc đại khủng hoảng nghiêm trọng hơn trong thập kỷ tới...

Những thách thức này mang một ý nghĩa quan trọng, đặt ra nhu cầu tìm kiếm những công cụ mới và chuyển đổi mô hình tăng trưởng hiện có để giải quyết hiệu quả các vấn đề mà thế giới đang phải đối mặt, đồng thời có thể biến những thách thức thành cơ hội để tăng trưởng và là động lực tăng trưởng mới trên con đường tăng trưởng bền vững. Thực tế tồn tại và tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới trong thế kỷ XIX, XX và những năm đầu của thế kỷ XXI cho chúng ta thấy tăng trưởng kinh tế mới chủ yếu chú trọng về mặt lợi ích mang lại. Tuy nhiên, nó chưa tính đến các vấn đề ngăn ngừa, giảm ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

Do đó, quá trình tăng trưởng kinh tế này đang đưa thế giới tới những vấn đề toàn cầu như đói nghèo, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái, biến đổi khí hậu trầm trọng. Ý tưởng tăng trưởng “kinh tế xanh” được đưa ra từ những năm 70 của thế kỷ XX và phải đến những năm gần đây, quan điểm về “kinh tế xanh”, “tăng trưởng xanh” mới được đưa ra thảo luận mạnh mẽ tại các diễn đàn quốc tế.

- Năm 2005, Ủy ban Liên hợp quốc về kinh tế và xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương (UNESCAP) đã tổ chức các Diễn đàn đối thoại chính sách “Hướng tới tăng trưởng xanh ở châu Á – Thái Bình Dương”
- Tháng 10/2008, UNEP đã công bố Sáng kiến về nền kinh tế xanh (Green Economy Initiative – GEI)
- Tháng 3/2009, trong khuôn khổ GEI, UNEP đã đề xuất Global Green New Deal (GGND), (tạm dịch: Một Thỏa thuận xanh toàn cầu)

### ***1.3. Đặc trưng của kinh tế xanh***

Từ những quan điểm khác nhau về đặc trưng của nền Kinh tế xanh, chúng ta có thể khái quát đặc trưng của Kinh tế xanh thông qua các khía cạnh:

*Thứ nhất, Kinh tế xanh gắn với đặc điểm, đặc thù của từng quốc gia, trên cơ sở đó tạo ra được hiệu quả của việc phát triển kinh tế.* Phát triển kinh tế xanh ở mỗi quốc gia sẽ rất khác nhau bởi nó phụ thuộc vào đặc thù về vốn tự nhiên và vốn con người của mỗi quốc gia cũng như trình độ phát triển tương đối. Như vậy, tùy từng đặc thù của quốc gia, mà Chính phủ quốc gia đó có những chính sách đầu tư, khuyến khích phát triển kinh tế xanh, tập trung vào những ngành mà quốc gia mình có lợi thế hơn cả.



*Thứ hai, Kinh tế xanh là nền kinh tế gắn liền với sự duy trì và giữ gìn môi trường đặc biệt là môi trường sinh thái.* Khi nhắc đến nền kinh tế xanh môi trường sinh thái là yếu tố đầu tiên. Môi trường sinh thái ở đây được xem như là yếu tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế, cải thiện chuỗi giá trị, đem lại sự ổn định và thịnh vượng cho con người một cách lâu dài nhất. Thêm vào đó, khi mà sinh kế của một bộ phận người dân có mức sống dưới mức nghèo khổ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, hơn nữa họ là những đối tượng dễ bị tổn thương do những tác động của những yếu tố ngoại lai, việc chuyển sang nền kinh tế xanh góp phần cải thiện sự công bằng xã hội và có thể coi nền Kinh tế xanh có khả năng tạo ra phúc lợi xã hội.

*Thứ ba, Kinh tế xanh phải có được sự hình thành cơ cấu kinh tế mới theo hướng Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình nâng cao tỷ trọng của công nghiệp trong toàn bộ ngành kinh tế hay là sự chuyển biến về kinh tế, xã hội đi đôi với tiến bộ về công nghệ và đặc biệt là sự phát triển của sản xuất năng lượng. Trong nền kinh tế xanh, con người chú trọng đến việc sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ các-bon thấp.

*Thứ tư, Kinh tế xanh gắn với việc tạo việc làm cho người lao động và cải thiện công bằng xã hội.* Hiện nay, các nước tiến tới một nền kinh tế xanh đã nhìn thấy khả năng tạo việc làm của các chính sách hiện có, và tiềm năng có thể được nhân lên khi tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực xanh. Việc chuyển sang nền kinh tế xanh làm cho cơ cấu việc làm cũng như khối lượng việc làm thay đổi. Cụ thể, nền kinh tế xanh có khả năng tạo ra việc làm trong một loạt các lĩnh vực mới nổi và nhiều tiềm năng, chẳng hạn như nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, giao thông công cộng, cải tạo các khu công nghiệp, tái chế...

Tựu chung lại, trong một nền kinh tế xanh, sự tăng trưởng về thu nhập và việc làm thông qua việc đầu tư của nhà nước và tư nhân cho nền kinh tế nhằm làm giảm phát thải khí cacbon, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hiệu quả năng

lượng và tài nguyên, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học. Nền kinh tế xanh là nền kinh tế phải lấy con người làm trung tâm trong các chính sách về tăng trưởng kinh tế bền vững và bình đẳng.

## **Chương 2: Nội dung của xu hướng tăng trưởng xanh**

### ***2.1. Những xu hướng tăng trưởng xanh trên thế giới***

Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy có nhiều cách tiếp cận để thúc đẩy tăng trưởng xanh như cách tiếp cận theo từng khu vực của nền kinh tế, hoặc đó là cách tiếp cận liên ngành xuyên suốt các lĩnh vực như sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, sản xuất và tiêu dùng bền vững... Tuy nhiên, với cách tiếp cận nào nội dung của tăng trưởng xanh cũng bao gồm các vấn đề: sản xuất và tiêu dùng bền vững; giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu; xanh hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua tăng trưởng công nghệ xanh, tăng trưởng các ngành công nghiệp cao, sử dụng ít tài nguyên, áp dụng các biện pháp sản xuất sạch; xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững; bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên; cải tổ và áp dụng các công cụ kinh tế; xây dựng và thực hiện các chỉ số sinh thái.

Trong khuôn khổ của chuyên đề, nhóm nghiên cứu xin đưa ra một số xu hướng tăng trưởng xanh nổi bật như:

- Chú trọng đầu tư vào vốn tự nhiên.
- Nền kinh tế xanh sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ các bon thấp thay thế cho nhiên liệu hóa thạch.
- Nền kinh tế xanh khuyến khích sử dụng năng lượng có hiệu quả hơn.
- Nền kinh tế xanh hướng tới lối sống đô thị bền vững và giao thông cacbon thấp.

### 2.1.1. Nền kinh tế xanh ghi nhận vai trò đầu tư vào vốn tự nhiên

Đa dạng sinh học, kết cấu sống của hành tinh này, bao gồm sự sống ở mọi cấp: nguồn gen, các loài sinh vật và hệ sinh thái. Tại mỗi cấp, đa dạng sinh học đóng góp cho phúc lợi của con người và cung cấp cho các nền kinh tế nguồn tài nguyên đầu vào có giá trị cũng như các dịch vụ điều hòa hướng tới một môi trường vận hành an toàn. Những “dịch vụ hệ sinh thái” (xem bảng 1) chủ yếu mang bản chất hàng hóa và dịch vụ công cộng không được lượng hóa giá trị kinh tế đầy đủ. Điều này là một trong những nguyên nhân chính khiến giá trị của đa dạng sinh học không được đánh giá đúng mức, chịu sự quản lý yếu kém gây nhiều tổn thất.

**Bảng 2.1:** Vốn tự nhiên: Những hợp phần cấu thành cùng các minh họa về dịch vụ và giá trị.

Đa dạng sinh học	Hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái (ví dụ)	Giá trị kinh tế (ví dụ)
Hệ sinh thái (loại hình và diện tích/quy mô)	Giải trí Điều hòa nước Lưu giữ các bon	Tránh phát thải KNK thông qua bảo tồn rừng 3,7 tỷ USD (NPK)
Các loài sinh vật (mức độ phong phú, đa dạng)	Thức ăn, sợi, nhiên liệu Cảm hứng thiết kế Thụ phấn	Các côn trùng giúp thụ phấn đã đóng góp cho sản lượng nông nghiệp khoảng 190 tỷ USD/năm
Nguồn gen (khả năng biến đổi và dân số)	Khám phá trong y học Kháng bệnh Khả năng thích nghi	25-50% thị trường dược phẩm Mỹ (trị giá 640 tỷ USD) được trích từ nguồn gen.

Giá trị kinh tế của các dịch vụ hệ sinh thái có thể được ước tính, và giá trị hiện tại của các dịch vụ hệ sinh thái là một phần cơ bản của “vốn thiên nhiên”. Tài sản thiên nhiên như rừng, hồ đất ngập nước và lưu vực sông là các thành phần thiết yếu của vốn tự nhiên ở mỗi cấp độ hệ sinh thái. Những thành tố này của tự nhiên có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định của chu trình nước và lợi ích đối với nông nghiệp cũng như hộ gia đình, chu kỳ cacbon và vai trò trong giảm nhẹ biến đổi khí hậu, độ màu mỡ của đất và giá trị đối với sản xuất cây trồng, tiểu vùng khí hậu địa phương cho môi trường sống an toàn, thủy sản cho thức ăn,... Đó là tất cả những yếu tố quan trọng của một nền kinh tế xanh.

Như vậy, quá trình biến đổi sang nền kinh tế xanh không chỉ ghi nhận và minh chứng cho giá trị của vốn tự nhiên là nguồn cung cấp phúc lợi của con người, nguồn sống của các hộ gia đình nghèo hay nguồn công ăn việc làm mới và ổn định mà còn cho phép đầu tư và xây dựng vốn tự nhiên nhằm hướng tới nền kinh tế bền vững.

Tăng cường đầu tư vào vốn tự nhiên là một trong những mục tiêu của nền kinh tế xanh. Điều đó được thể hiện qua các chính sách:

*Thứ nhất, giảm phá rừng và tăng tái trồng rừng.* Đây là một xu hướng hợp lý về khía cạnh kinh tế, đồng thời hỗ trợ nông nghiệp và sinh kế vùng nông thôn. Rừng là một phần quan trọng của hạ tầng sinh thái để hỗ trợ đời sống con người. Rừng duy trì những dịch vụ môi trường không thể thay thế, là nơi cư trú của 80% các loài trên cạn, cung cấp khả năng phục hồi cho nông nghiệp, y tế và các khu vực liên quan. Do vậy, giảm phá rừng có thể là một hình thức đầu tư tốt: các lợi ích từ điều hòa khí hậu khi tình trạng phá rừng hiện nay suy giảm một nửa được ước tính sẽ vượt gấp 3 lần các chi phí. Các cơ chế kinh tế từng được thử nghiệm, thí điểm cũng như các thị trường hiện có có thể được nhân rộng, bao gồm cả cơ chế chứng nhận khai thác gỗ, chứng nhận sản phẩm rừng nhiệt đới, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, cơ chế chia sẻ lợi ích và quan hệ đối tác dựa vào cộng đồng. Đặc biệt, những

cuộc đàm phán quốc tế và quốc gia cho REDD + chứng tỏ rằng xu hướng kinh tế xanh cho lâm nghiệp đang dần được hình thành. Kết quả từ mô hình kinh tế xanh cho thấy đầu tư 0.03% GDP trong giai đoạn 2011 – 2015 để chi trả cho chủ sở hữu đất lâm nghiệp nhằm bảo tồn rừng và đầu tư tư nhân trong tái trồng rừng có thể nâng cao giá trị gia tăng trong ngành công nghiệp này hơn 20% so với điều kiện thông thường. Đồng thời cải thiện việc làm chính thức trong khu vực và tăng đáng kể lượng các bon được lưu trữ trong rừng.

*Thứ hai, xu hướng xanh hóa đất nông nghiệp.* Thách thức trong nông nghiệp là cung cấp lương thực cho 9 tỷ người vào năm 2050 mà không gây tổn hại cho hệ sinh thái và sức khỏe con người trong điều kiện nhiệt độ trung bình toàn cầu gia tăng. Các biện pháp nông nghiệp hiện hành sử dụng hơn 70% nguồn nước ngọt toàn cầu và đóng góp hơn 13% lượng phát thải GHG. Các biện pháp này cũng liên quan tới 3-5 triệu ca ngộ độc thuốc trừ sâu và hơn 40.000 người chết mỗi năm. Đặc tính của nền nông nghiệp xanh là chuyển dịch canh tác công nghiệp và canh tác tự cung tự cấp sang những biện pháp nông nghiệp có lợi cho hệ sinh thái như sử dụng hiệu quả nguồn nước, sử dụng rộng rãi chất dinh dưỡng tự nhiên trong đất và chất hữu cơ, tối ưu canh tác, kiểm soát dịch hại tổng hợp.

*Thứ ba, xanh hóa ngành nước.* Việc cung cấp nước ngọt, đảm bảo về số lượng và chất lượng, là một dịch vụ hệ sinh thái cơ bản. Để giải quyết vấn đề an ninh nước cho cả loài người và hệ sinh thái về tình trạng thiếu nước, dư thừa nước (nguy cơ lũ lụt) và chất lượng nước, quản lý và đầu tư vào hệ sinh thái là rất cần thiết.

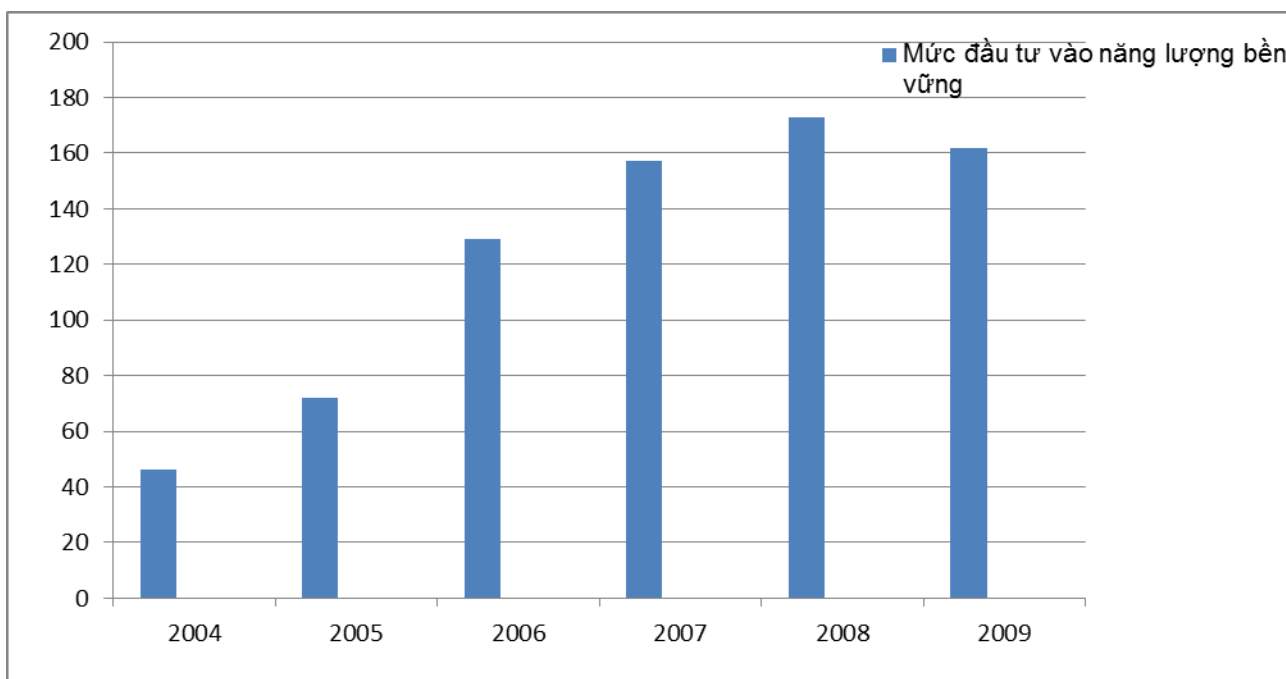
*Thứ tư, đầu tư vào khai thác thủy sản bền vững.* Đầu tư vào khai thác thủy sản bền vững sẽ đảm bảo nguồn thu nhập quan trọng trong dài hạn.

*Thứ năm, chú trọng tăng trưởng du lịch sinh thái,* xu hướng này được minh chứng bởi tốc độ tăng trưởng 20% hàng năm của ngành du lịch sinh thái; tương đương 6 lần tốc độ tăng trưởng toàn khu vực công nghiệp.

### *2.1.2. Nền kinh tế xanh sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ các bon thấp thay thế cho nhiên liệu hóa thạch*

Nguồn cung năng lượng tái tạo ngày càng tăng sẽ giảm những rủi ro về biến động giá nhiên liệu hóa thạch đồng thời đạt được các lợi ích giảm thiểu phát thải GHGs. Hệ thống năng lượng dựa trên nhiên liệu hóa thạch hiện nay là gốc rễ của hiện tượng biến đổi khí hậu. Ngành năng lượng chiếm tới hai phần ba lượng phát thải khí nhà kính, và chi phí thích ứng với biến đổi khí hậu ước đạt 50-170 tỷ USD năm 2030 và các nước đang tăng trưởng có thể phải chịu một nửa chi phí đó. Nhiều quốc gia trong đó là những nước nhập khẩu dầu ròng, cũng đứng trước thách thức giá nhiên liệu hóa thạch tăng cao. Ví dụ, dầu chiếm 10-15% kim ngạch nhập khẩu của các nước nhập dầu ở châu Phi và tiêu tốn trung bình hơn 30% doanh thu xuất khẩu của họ; trong khi đó, Ấn Độ dành khoảng 45% kim ngạch xuất khẩu của họ để nhập khẩu năng lượng.

Năng lượng tái tạo mang lại nhiều cơ hội kinh tế lớn. Việc xanh hóa ngành năng lượng yêu cầu đầu tư thay thế nguồn năng lượng có hàm lượng các bon cao cùng với đầu tư năng lượng sạch và cải tiến hiệu quả sử dụng. Nhiều cơ hội về nâng cao hiệu suất năng lượng có thể bù trừ chi phí đầu tư, trong khi đó, đầu tư vào công nghệ năng lượng tái tạo đang ngày càng tăng trưởng trong thị trường ngày nay do công nghệ có tính cạnh tranh cao. Từ năm 2002 cho đến giữa năm 2009. Tổng đầu tư vào năng lượng tái tạo có tốc độ tăng trưởng chung hàng năm là 33%. Ngay cả trong suy thoái toàn cầu, khu vực này vẫn tiếp tục bùng nổ.



**Hình 2.1:** Đầu tư vào năng lượng bền vững, giai đoạn 2004-2009 (tỷ USD)  
(Nguồn: UNEP và Bloomberg New Energy Finance, 2010)

### *2.1.3. Một nền kinh tế xanh khuyến khích sử dụng nguồn lực và năng lượng có hiệu quả hơn*

Chi phí của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên không hiệu quả nói chung không phải là một yếu tố hạn chế chính trong lịch sử văn minh nhân loại vì một tâm lý “khai thác tận biên” trong thế giới còn hoang sơ đã dẫn tới những cuộc khai phá các tài nguyên mới. Các thói quen về quản lý không có điều kiện để hình thành.

Trong giai đoạn hiện nay, sản xuất phải đối mặt với vô số thách thức và cơ hội để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Hiện chiếm 23% số việc làm toàn cầu, ngành sản xuất đại diện cho một giai đoạn quan trọng trong vòng đời của nguyên liệu được đưa vào sử dụng, bắt đầu từ khai thác tài nguyên thiên nhiên tới kết thúc với quá trình thải loại cuối cùng. Xét về mặt sử dụng tài nguyên, khu vực này tiêu thụ khoảng 35% điện năng toàn cầu, chiếm trên 20% lượng khí thải CO<sub>2</sub> của thế giới, và hơn một phần tư sản lượng khai thác tài nguyên chưa chế biến. Ngoài ra,

công nghiệp sản xuất chiếm tới 17% ô nhiễm không khí – thiệt hại sức khỏe liên quan và thiệt hại ô nhiễm không khí là tương đương với 1-5% GDP toàn cầu – vượt quá các chi phí khởi động quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh rất nhiều.

Rất nhiều bằng chứng cho thấy vẫn còn cơ hội chưa được khai thác trong nền kinh tế toàn cầu để tạo ra sự thịnh vượng với mức nguyên liệu và năng lượng thấp hơn. Xanh hóa khu vực sản xuất đồng nghĩa với việc kéo dài tuổi thọ sử dụng của hàng hóa nhờ chú trọng hơn vào tái thiết kế, tái sản xuất và tái chế là trọng tâm của vòng sản xuất kín. Thiết kế lại hệ thống sản xuất sẽ liên quan đến việc thiết kế lại sản phẩm để tăng vòng đời khả dụng thông qua việc thiết kế sản phẩm dễ sửa chữa, chuyển đổi, tái sản xuất và tái chế, tạo cơ sở cho chu trình sản xuất, dựa trên việc chế biến lại những sản phẩm và các bộ phận đã qua sử dụng thông qua hệ thống thu hồi. Việc tái chế khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm phụ của quá trình sản xuất đồng thời mang lại những khả năng khác để thay thế cho đầu vào trong sản xuất. Tái chế các vật liệu chẳng hạn như nhôm, chỉ tiêu tốn khoảng 5% phần năng lượng so với sản xuất ban đầu. Tăng trưởng khu công nghiệp sinh thái là tiền đề đưa hiệu quả sản xuất của chu trình sản xuất khép kín lên cấp độ cao hơn. Tất cả các ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất có tiềm năng đáng kể để cải thiện hiệu quả năng lượng mặc dù ở mức độ khác nhau với yêu cầu đầu tư khác nhau. Nhìn về tương lai, các mô hình cho thấy các khoản đầu tư xanh vào sử dụng hiệu quả năng lượng trong bốn thập kỷ tiếp theo có thể giảm lượng năng lượng tiêu thụ trong công nghiệp xuống gần một nửa so với BaU.

Phân tách rác thải là trọng tâm của sử dụng tài nguyên hiệu quả. Khi mức sống và thu nhập tăng, thế giới dự kiến sẽ tạo ra hơn 13,1 tỷ tấn rác thải vào năm 2050, cao hơn khoảng 20% so với mức thải năm 2009. Tăng cường sử dụng tài nguyên hiệu quả và phục hồi tài nguyên có thể giảm đáng kể lưu lượng rác thải, từ đó giảm chi phí phát sinh do rác thải gây ra. Thực vậy, chi phí khắc phục rác thải là rất lớn, bởi hiện nay chỉ có 25% rác thải được phục hồi và tái chế, trong khi thị trường thế



giới phải chi trung bình 410 tỷ USD/năm để thu gom và xử lý rác. Trên quy mô toàn cầu, theo kịch bản đầu tư xanh, tỷ lệ tái chế vào năm 2050 sẽ cao gấp ba lần so với mức dự kiến của kịch bản BaU, và khối lượng chất thải đưa tới các bãi chôn lấp sẽ giảm hơn 85%.

Tái chế, phục hồi năng lượng từ chất thải đang và sẽ tiếp tục mang lại nhiều lợi nhuận bởi phế liệu là nguồn tài nguyên ngày càng có giá trị hơn.

#### *2.1.4. Nền kinh tế xanh hướng tới lối sống đô thị bền vững và giao thông các bon thấp*

Khu vực thành thị hiện nay là nơi cư trú của hơn 50% dân số trên thế giới, tiêu thụ 60 – 80% năng lượng và phát thải 75% tổng lượng khí nhà kính. Đô thị hóa nhanh chóng đang gia tăng áp lực về cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước và y tế công cộng... Trong bối cảnh này, cơ hội duy nhất cho các thành phố để tăng hiệu quả năng lượng và năng suất, giảm lượng khí thải cũng như rác thải trong các tòa nhà, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu thông qua các phương thức giao thông cải tiến, các bon thấp – giúp tiết kiệm tiền đồng thời cải thiện năng suất và công bằng xã hội.

*Xu hướng tăng trưởng các thành phố xanh.* Thành phố sinh thái hay thành phố xanh thường được đặc trưng bởi mật độ cao về dân số, nhà ở, việc làm, thương mại, và các điểm vui chơi giải trí, tuy nhiên không vượt giới hạn để tránh tắc nghẽn. Các khu dân cư với mật độ dân là 100 đến 1.000 người/ha (có thể lên đến 3.000 phụ thuộc vào đặc điểm văn hóa và địa lý) được quy hoạch, thiết kế chi tiết cho phép cung cấp hệ thống giao thông công cộng, hiệu quả và được xem là điểm khởi đầu cho thành phố xanh. Khi tăng gấp đôi mật độ việc làm của một khu đô thị và tôn trọng các điều kiện việc làm tốt thì năng suất lao động thường tăng khoảng 6%. Một nghiên cứu gần đây của Thiên Tân, Trung Quốc kết luận rằng chi phí tiết kiệm cho cơ sở hạ tầng – hệ quả của tăng trưởng đô thị nhỏ gọn và có mật độ tập

trung đạt 55% so với kịch bản tăng trưởng đô thị phân tán. Theo logic này, hiện có nhiều cơ hội lớn để tạo ra các động lực hiệu quả trong quá trình quy hoạch đô thị bền vững.

Tác động của các tòa nhà cũng là một phần nỗ lực nhằm xanh hóa thành phố. Xây dựng các tòa nhà xanh và cải tạo các tòa nhà tiêu tốn năng lượng và tài nguyên có thể tiết kiệm đáng kể, tạo ra lợi nhuận hoặc với chi phí tương đối thấp.

Đối với ngành giao thông vận tải, hiện nay phương thức di chuyển chủ yếu dựa trên phương tiện cơ giới cá nhân, góp phần lớn gây ra biến đổi khí hậu, ô nhiễm và rủi ro về sức khỏe. Giao thông vận tải trong và ngoài phạm vi đô thị chiếm hơn một nửa lượng tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch lỏng của thế giới và gần một phần tư lượng phát thải CO<sub>2</sub> từ năng lượng toàn cầu. Nghiên cứu cho thấy rằng chi phí môi trường và xã hội có thể lên tới 10% GDP của quốc gia. Chính sách giao thông xanh tuân thủ ba nguyên tắc khâu nối với nhau: 1) tránh hoặc giảm đoạn đường cần đi thông qua quy hoạch tổng hợp sử dụng đất và giao thông vận tải, và nội địa hóa sản xuất và tiêu dùng; 2) chuyển sang các phương thức thân thiện với môi trường hơn như phương tiện giao thông công cộng và phương tiện phi cơ giới cho hành khách, giao thông đường sắt và đường thủy khi vận chuyển hàng hóa; và 3) cải thiện công nghệ đối với xe và nhiên liệu để giảm tác động tiêu cực lên xã hội và môi trường với mỗi km đường đi.

Ví dụ về chính sách giao thông xanh: Các thành phố trên thế giới đã áp dụng một loạt công cụ và chính sách để cải thiện hiệu quả hệ thống giao thông và gia tăng chất lượng cuộc sống. Tại trung tâm Luân – đôn, “phí tắc nghẽn” đã giảm 70.000 hành trình sử dụng xe cộ hàng ngày và giảm 20% lượng phát thải CO<sub>2</sub>. Hệ thống tính giá đường điện tử và quy định hạn mức xe cộ đã hạn chế mức tăng ô tô và các phương tiện cơ giới. Hệ thống trung chuyển xe buýt nhanh của Bogota (BRT) góp phần giảm 14% lượng phát thải của mỗi hành khách, và với thành công này, hệ thống BRT đã được nhân rộng ra khắp thế giới. Tại châu Âu, các thành phố

học tập theo Zurich đầu tư vào hệ thống xe điện, huyết mạch của giao thông đô thị và với chi phí hợp lý hơn hệ thống tàu điện ngầm...

## ***2.2. Một số mô hình kinh tế xanh trên thế giới***

Tăng trưởng xanh không chỉ là câu chuyện của các nền kinh tế tăng trưởng – nơi có nguồn lực kinh tế dồi dào mà nó còn là vấn đề then chốt giúp xóa đói giảm nghèo ở các quốc gia đang tăng trưởng. Sau đây, xin đưa ra một vài ví dụ về các chính sách tăng trưởng kinh tế xanh ở một vài quốc gia trên thế giới.

### *Ví dụ 1: Năng lượng tái tạo ở Trung Quốc*

Trung Quốc đang thực hiện những bước tiến đáng kể để chuyển sang một chiến lược tăng trưởng sạch dựa trên sự tăng trưởng các nguồn năng lượng tái tạo. Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 cho thấy một sự tăng đáng kể đầu tư vào các lĩnh vực Kinh tế Xanh, đặc biệt là năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng. Kế hoạch cũng đề xuất tới năm 2010 giảm lượng tiêu thụ năng lượng xuống 20% GDP so với năm 2005. Thêm vào đó, chính phủ Trung Quốc cam kết, đến năm 2012 năng lượng tái tạo sẽ chiếm 16% tổng năng lượng tiêu thụ.

Luật Năng lượng tái tạo của Trung Quốc (thông qua năm 2005) được coi là bộ luật định hướng cho sự tăng trưởng của ngành này. Bộ Luật này cung cấp một loạt các ưu đãi tài chính, chẳng hạn như một quỹ quốc gia để thúc đẩy tăng trưởng năng lượng tái tạo, cho vay, ưu đãi về thuế cho các dự án năng lượng tái tạo; yêu cầu các nhà khai thác lưới điện mua các nguyên liệu từ các nhà sản xuất năng lượng tái tạo đã đăng ký.

Sự kết hợp giữa đầu tư và các chính sách ưu đãi tạo điều kiện cho những bước tiến lớn trong việc tăng trưởng năng lượng gió và năng lượng mặt trời của Trung Quốc.

### ***Năng lượng gió***

Từ năm 2005 - 2009, tốc độ tăng trưởng hàng năm công suất phát điện từ năng lượng gió đều hơn 100%. Cùng với việc lắp đặt thêm (năm 2009) nâng tổng công suất thêm 13,8 GW, Trung Quốc đã trở thành nước dẫn đầu thế giới về công suất bổ sung và thứ 2 thế giới (sau Mỹ) về công suất lắp đặt. Tham vọng tăng trưởng ngành này còn thể hiện ở mục tiêu tăng công suất lắp đặt từ 30 GW lên 100 GW năm 2020 của chính phủ.

Để trực tiếp khuyến khích sản xuất tua-bin gió ở các địa phương, Trung Quốc đã thực hiện chính sách khuyến khích liên doanh và chuyển giao công nghệ trong công nghệ tua-bin gió lớn và bắt buộc sử dụng các sản phẩm tua-bin gió của địa phương trong các công trình. Bộ Khoa học và Công nghệ cũng trợ cấp chi phí R&D (nghiên cứu và phát triển) cho việc sản xuất năng lượng gió, đặc biệt năm 1996 đã thành lập Quỹ năng lượng tái tạo. Các nhà sản xuất tua-bin gió địa phương như Sinovel Wind, Goldwind Science và Technology, and Dongfang Electric, tới năm 2008, đã chiếm hơn một nửa thị trường, vốn bị chi phối bởi các nhà cung cấp nước ngoài.

Năm 2006, Ủy ban Tăng trưởng và Cải cách Quốc gia Trung Quốc đã ban hành các biện pháp tạm thời về quản lý thuế và phân bổ phí năng lượng tái tạo. Cùng với Luật Năng lượng tái tạo, các quy định khuyến khích giảm giá năng lượng gió quy định rằng một mô hình giá cả cạnh tranh đấu thầu được sử dụng cho thị trường điện gió ở Trung Quốc.

### ***Điện mặt trời***

Trung Quốc là nhà sản xuất pin (PV) năng lượng mặt trời lớn nhất của thế giới, đáp ứng 45% nhu cầu PV năng lượng mặt trời toàn cầu (năm 2009). Thị trường trong nước về năng lượng mặt trời đã bắt đầu tăng trưởng những năm gần đây, với khoảng 160 MW PV năng lượng mặt trời được cài đặt và kết nối với lưới điện trong năm 2009.

Nhưng cùng với 12GW ở các dự án lớn, Trung Quốc có thể nhanh chóng trở thành một thị trường lớn ở châu Á và trên thế giới. Đối với pin mặt trời, Chính phủ cũng đã chỉ ra rằng các mục tiêu cho công suất lắp đặt vào năm 2020 có thể được tăng từ 1,8GW đến 20GW.

Trung Quốc hiện là thị trường lớn nhất thế giới về năng lượng nước nóng mặt trời, chiếm gần hai phần ba tổng lượng tiêu thụ toàn cầu. Hơn 10% hộ gia đình ở Trung Quốc sử dụng thiết bị đun nước nóng mặt trời với hơn 160 triệu m<sup>2</sup> diện tích lắp đặt. Sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành công nghiệp sản xuất bình nước nóng năng lượng mặt trời mang lại lợi nhuận cho cả các nhà sản xuất lẫn các hộ gia đình. Nhiều hộ gia đình được sử dụng nước nóng hơn, kéo theo các lợi ích về sức khỏe và vệ sinh.

Trong chính sách pháp triển, việc lắp đặt các hệ thống năng lượng nước nóng mặt trời được ưu tiên cho các lĩnh vực tiêu dùng, chẳng hạn như bệnh viện, trường học, nhà hàng, hồ bơi...

### ***Việc làm***

Đến hết năm 2009, lĩnh vực năng lượng tái tạo tại ra sản phẩm trị giá 17 tỷ USD và sử dụng khoảng 1,5 triệu lao động, trong đó 600 nghìn lao động trong ngành nhiệt mặt trời, 266 nghìn trong ngành năng lượng sinh học, 55 nghìn trong ngành điện mặt trời và hơn 22 nghìn trong ngành năng lượng gió. Chỉ trong năm 2009, ước tính có trên 300,000 việc làm mới đã được tạo ra.

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy một ví dụ về tăng trưởng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, có thể tạo ra công ăn, việc làm và tập thu nhập trong ngành công nghiệp xanh.

## *Ví dụ 2: Quy hoạch đô thị bền vững tại Brazil*

Sự gia tăng nhanh chóng của các khu đô thị đã đặt ra nhiều thách thức về môi trường và kinh tế - xã hội cho người dân, doanh nghiệp và đô thị. Kế hoạch quy hoạch không đầy đủ cùng với sự gia tăng của dân số thành thị kéo theo sự mở rộng khu vực thành phố và ngoại ô, làm tăng lượng phương tiện cá nhân tham gia giao thông.

Brazil có số dân số đô thị lớn thứ tư thế giới (sau Trung Quốc, Ấn Độ, và Hoa Kỳ), với tốc độ gia tăng hàng năm là 1,8% (từ năm 2005 tới 2010). Thành phố Curitiba, thủ phủ vùng Parana ở Brazil đã giải quyết thành công thách thức nói trên bằng cách thực hiện hệ thống sáng tạo trong những thập kỷ gần đây; tạo cảm hứng cho nhiều thành phố khác ở Brazil. Đặc biệt nổi tiếng với hệ thống Xe buýt nhanh, Curitiba cũng cung cấp một ví dụ về quy hoạch đô thị và công nghiệp tích hợp cho phép ra đời nhiều ngành công nghiệp mới và tạo ra công ăn việc làm.

### ***Quy hoạch bền vững cho sự tăng trưởng ở Curitiba***

Thông qua phương pháp tiếp cận sáng tạo của mình trong quy hoạch đô thị, quản lý thành phố và quy hoạch giao thông đi lại, từ những năm 60, Curitiba đã có thể tăng trưởng dân số từ 361.000 (năm 1960) lên 1,828 triệu (năm 2008), mà không phải chịu tác động của ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và suy giảm không gian công cộng. Mật độ dân số trong thành phố đã tăng gấp ba lần từ 1970 đến 2008. Nhưng cùng thời gian đó, diện tích không gian xanh trung bình cho mỗi người cũng tăng từ 1km<sup>2</sup> trên 50km<sup>2</sup>.

Một trong những yếu tố chính của việc quy hoạch thành phố Curitiba là việc xây dựng hệ thống giao thông làm sao để giải quyết được cả hai vấn đề mật độ và không gian xanh. Hệ thống giao thông sẽ được xây dựng - bằng cách tạo ra các vùng giao thông và đưa các cơ sở hạ tầng giao thông công cộng vào sử dụng - đảm bảo cho các luồng phương tiện tập trung quá nhiều ở trung tâm thành phố đồng thời

tăng trưởng nhà ở, dịch vụ và các địa điểm công nghiệp dọc theo các tuyến đường quan trọng.

### ***Lợi ích kinh tế và môi trường***

Thành phố tạo ra các biện pháp hiệu quả để giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> đặc biệt trong giao thông vận tải và trong các tòa nhà, vốn là hai trong số các nguồn thải ra nhiều khí nhất. Như một kết quả của quy hoạch đô thị tích hợp, Curitiba có tỷ lệ cao nhất về sử dụng phương tiện giao thông công cộng ở Brazil (45%), và một trong những tỷ lệ thấp nhất về ô nhiễm không khí đô thị của đất nước.

Những hiệu quả về kinh tế cũng rất đáng kể. Sử dụng nhiên liệu của Curitiba là 30% thấp hơn so với ở các thành phố lớn khác của Brazil. Tổn thất nhiên liệu do tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng tại Curitiba năm 2002 là khoảng 1 triệu USD, chỉ bằng 1/13 của Sao Paulo và 1/4 của Rio de Janeiro.

### ***Chính sách và quy hoạch thành phố cho cơ sở hạ tầng sinh thái và hoạt động công nghiệp***

Bằng cách biến các khu vực dễ bị lũ lụt thành các khu công viên cây xanh, và tạo ra các hồ nhân tạo để giữ nước lũ, Curitiba đã giải quyết vấn đề lũ lụt, kiểm soát lũ lụt và thoát nước của mình. Chi phí của chiến lược này, bao gồm cả chi phí di dời cư dân khu ổ chuột, được ước tính ít hơn 5 lần so với việc xây dựng kênh mương bê tông. Ngoài ra, như là một kết quả của quá trình này, giá trị tài sản của các khu vực lân cận được đánh giá cao hơn và doanh thu thuế cũng tăng.

Chính quyền địa phương đã thành lập Thành phố Công nghiệp Curitiba ở phía Tây của thành phố nhằm tránh gây ô nhiễm ảnh hưởng vùng trung tâm. Khu vực này có quy định nghiêm ngặt về môi trường và các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường không được phép hoạt động tại đây. Sau ba thập kỷ, tại đây hiện nay có hơn 700 công ty, bao gồm cả hãng sản xuất hệ thống xe bus nhanh của thành phố

và nhiều công ty công nghệ thông tin khác. Nơi đây đã tạo ra khoảng 50.000 việc làm trực tiếp và 150.000 việc làm gián tiếp, đóng góp vào 20% tổng sản phẩm xuất khẩu của Brazil.

Curitiba cũng tích cực thúc đẩy tăng trưởng cơ sở hạ tầng quản lý chất thải và nâng cao nhận thức công chúng về phân loại và tái chế rác thải. Với 70% cư dân của thành phố tích cực tái chế, 13% chất thải rắn được tái chế ở Curitiba, trong khi tỷ lệ này ở Sao Paulo chỉ là 1%.

Tóm lại, Curitiba đã cho chúng ta một ví dụ về làm thế nào quy hoạch đô thị thông minh có thể giúp tránh được chi phí lớn trong tương lai và nâng cao hiệu quả, năng suất và chất lượng cuộc sống cho các cư dân của nó.

### ***2.3. Đánh giá chung***

Tăng trưởng kinh tế xanh là một tất yếu khách quan và là một xu hướng tăng trưởng kinh tế của thế kỉ XXI. Đến nay, thực tế cho thấy tăng trưởng xanh đã được xác định là trọng tâm trong chính sách tăng trưởng quốc gia của nhiều nước trên thế giới trong nỗ lực đạt được sự tăng trưởng bền vững. Trong đó, đáng chú ý như Hàn Quốc, Nhật Bản ở châu Á, Đức, Anh, Pháp, Hà Lan... ở châu Âu đã đi tiên phong trong việc thúc đẩy tăng trưởng xanh với nhiều nội dung quan trọng thể hiện sự cam kết mạnh mẽ hướng tới nền kinh tế xanh. Còn tại các nước trong khu vực, ví dụ như Lào cũng đang trong quá trình xây dựng một lộ trình tăng trưởng xanh quốc gia. Campuchia cũng đang nỗ lực xây dựng một kế hoạch hành động chi tiết sau khi ban hành lộ trình tăng trưởng xanh quốc gia. Trung quốc cũng đã có kế hoạch tăng trưởng quốc gia nhấn mạnh vào nền kinh tế tuần hoàn trong khi Thái Lan nhấn mạnh vào nền kinh tế đầy đủ với những đặc điểm chính của nền kinh tế xanh...

Bên cạnh đó, thực tiễn tại các nước cũng cho thấy rằng việc thúc đẩy tăng trưởng xanh hay quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh tạo ra tiềm năng to lớn



để đạt được tăng trưởng bền vững và giảm đói nghèo với tốc độ chưa từng thấy đối với tất cả các quốc gia. Riêng đối các quốc gia đang tăng trưởng, tăng trưởng xanh còn tạo đà cho một bước “nhảy vọt” để tăng trưởng kinh tế mà không cần theo con đường tăng trưởng kinh tế “ô nhiễm trước, xử lý sau”. Tiềm năng này thực tế bắt nguồn từ một sân chơi đang thay đổi đó là thế giới hiện nay với những rủi ro chúng ta đang đối mặt đã tạo ra những thay đổi cơ bản đòi hỏi chúng ta cần phải nhìn nhận toàn diện lại cách thức, mô hình tăng trưởng kinh tế truyền thống, đồng thời cũng đòi hỏi một tư duy hoàn toàn mới về cách tiếp cận với nền kinh tế của chúng ta.

### **Chương 3: Việt Nam với xu hướng tăng trưởng kinh tế xanh**

#### ***3.1. Tầm quan trọng của kinh tế xanh với Việt Nam***

Trong thập kỉ đầu của thế kỷ XXI, thế giới đã bắt đầu hình thành khái niệm kinh tế xanh cũng như tăng trưởng xanh. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế mà đỉnh điểm là năm 2008, kinh tế xanh đã được nhìn nhận như là một giải pháp tối ưu cho tăng trưởng kinh tế trên thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó, dù trước đó đã chú trọng bảo vệ môi trường nhưng sau khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, Đảng và chính phủ càng giành nhiều sự quan tâm cho tăng trưởng kinh tế xanh.

Với tính chất đặc thù của Việt nam, thể chế chính trị và mô hình tăng trưởng kinh tế gần giống với Trung Quốc, đó là chuyển đổi từ mô hình “Kinh tế kế hoạch hóa tập trung” sang mô hình “Kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa”. Kể từ năm 1986, Việt Nam tiến hành “Đổi mới và mở cửa”, còn Trung Quốc “Cải cách mở cửa”; cả hai nước Kinh tế liên tục tăng trưởng dương, mặc dù có giai đoạn chịu tác động của khủng hoảng tài chính-tiền tệ vào năm 2007-2008. Hiện nay Việt Nam đã thoát khỏi nước nghèo và xếp vào nhóm nước có thu nhập

trung bình. Trải qua 24 năm đổi mới và mở cửa tăng trưởng Kinh tế, Việt Nam cũng đã phải trả giá cho suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Nằm trong xu thế tăng trưởng chung của kinh tế thế giới với sự điều chỉnh về mô hình tăng trưởng và thay đổi cơ cấu ngành nghề. Việt Nam đã trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), do vậy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam phải tuân theo những nguyên tắc chung của những cam kết với WTO trong xu thế tăng trưởng Hội nhập toàn cầu. Hơn nữa Việt nam được xếp vào danh sách một trong năm nước chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, do vậy hướng tới nền “Kinh tế xanh” là lựa chọn hợp lý. Tuy nhiên sự lựa chọn này cần phải nhìn nhận rõ những cơ hội và thách thức để định hướng cho tăng trưởng.

### ***3.2. Thực trạng tăng trưởng kinh tế xanh ở Việt Nam***

- Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam thời gian qua dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu thô và sơ chế. Tăng trưởng bền vững mặc dù là chủ trương lớn nhưng chưa được thực hiện triệt để. Xu thế tăng trưởng xanh trên thế giới mở ra cơ hội cho Việt Nam có thể “đón đầu” đi thẳng vào tăng trưởng kinh tế xanh, song cũng tạo ra thách thức tụt hậu xa hơn nếu không nắm bắt được cơ hội. Việt Nam mới bắt đầu làm quen với xu thế này, với một số ít các dự án năng lượng xanh đã được triển khai ở dạng thử nghiệm. Việt Nam cũng đang tiến hành dự án 3R (Reduce – giảm thiểu, Reuse – tái sử dụng, Recycle – tái chế) được quốc tế đánh giá tốt về mặt lý thuyết. Mặc dù Việt Nam có chủ trương hướng tới một nền công nghiệp xanh, ít tiêu hao năng lượng, hạn chế thấp nhất sản xuất gây ô nhiễm môi trường, nhưng việc thực hiện còn mang tính nhỏ lẻ, chưa đồng bộ, chưa có chiến lược và quy hoạch tăng trưởng rõ ràng theo hướng xanh. Đây cũng là tình hình chung đối với các khu vực khác của nền kinh tế. Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế chủ chốt trong tăng trưởng xanh, đồng thời cũng là lợi thế lâu dài của Việt Nam, nhưng vẫn ở trình độ kém tăng trưởng và có nguy cơ ngày càng

tụt hậu xa hơn các ngành kinh tế khác. Trước tình hình đó, Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách đầu tư cho nông nghiệp, song việc thực hiện chưa thực sự hiệu quả. Do đó, cần triển khai quyết liệt hơn, đồng thời có chiến lược tăng trưởng nông nghiệp bền vững. Gần đây, có nhiều vùng xây dựng kế hoạch tăng trưởng thành vùng sinh thái như Ninh Thuận, Đắk Lắk, Phú Quốc, ...

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tình trạng suy thoái kinh tế hiện nay là cơ hội để các doanh nghiệp xanh tăng trưởng. Trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp với Chương trình Môi trường của Liên Hiệp Quốc (UNEP), Quỹ Hans Seidel (HSF) để thực hiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp tăng trưởng kinh tế xanh.

- Từ nhiều năm qua, thấu suốt quan điểm của Đảng, các ngành, các cấp, các địa phương đã nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Hệ thống chính sách, thể chế từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả cho công tác bảo vệ môi trường cũng như mục tiêu tăng trưởng kinh tế xã hội. Mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường từng bước được hạn chế, công tác bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ nét. Điều kiện vệ sinh môi trường ở nông thôn đang từng bước được cải thiện. Đại bộ phận người dân nhận thức được biến đổi khí hậu có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống sản xuất, đời sống và môi trường trên phạm vi toàn thế giới trong đó Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề. Do đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân thời gian qua đã chủ động ứng phó tích cực với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên môi trường. Những thành tựu này góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội, phục vụ các mục tiêu chiến lược tăng trưởng bền vững của Đảng.

### ***3.3. Định hướng tăng trưởng kinh tế xanh của Đảng***

Nhận thức được tầm quan trọng của biến đổi khí hậu đối với sự tăng trưởng của đất nước, Việt Nam đã có những chính sách hướng tới nền kinh tế xanh như đưa ra Luật sử dụng năng lượng và tiết kiệm hiệu quả, chiến lược sản xuất sạch hơn đến năm 2030, chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả... Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến 2050 tập trung vào 3 mục tiêu chính là giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa sản xuất và xanh hóa tiêu dùng trong bài học kinh nghiệm về tăng trưởng nhanh và bền vững. Đảng ta chỉ rõ: phải thật sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và tăng trưởng bền vững. Tăng trưởng nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau được thể hiện ở cả tầm vi mô và vĩ mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực. Để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước tăng trưởng.

- Để thực hiện chiến lược “tăng trưởng nhanh gắn liền với tăng trưởng bền vững”, Đảng ta đã đề ra các quyết sách gắn nhiệm vụ bảo vệ môi trường với tăng trưởng kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm, khắc phục suy thoái, khôi phục và nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên. Khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Chú trọng tăng trưởng kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai và chương trình quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu nhất là nước biển dâng. Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp

đỡ của cộng đồng quốc tế cho công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong hai tháng đầu năm 2012 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vừa phê duyệt dự án đầu tư “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” (gọi tắt là 2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản. Dự án do Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện dự án từ năm 2012 đến năm 2021. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án là 9.534 triệu yên Nhật, tương đương với hơn 123 triệu USD; trong đó vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) là hơn 99,7 triệu USD; số còn lại là nguồn vốn đối ứng. Theo Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Tăng trưởng nông thôn, dự án JICA2 được thực hiện tại 43 Ban quản lý rừng phòng hộ, thuộc 38 huyện, 101 xã trên địa bàn 11 tỉnh nói trên. Dự án bao gồm: trồng 17.946 ha rừng phòng hộ đầu nguồn; cải thiện, nâng cao chất lượng 2.690 ha rừng trồng hiện có; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung 13.362 ha; khoán bảo vệ 34.437 ha rừng...(theo nguồn bộ kế hoạch và đầu tư). Đây là ví dụ điển hình cho chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài để bảo vệ môi trường và chống lại biến đổi khí hậu. Ngoài ra nhà nước cũng tăng cường đầu tư, đồng thời có các cơ chế chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực bảo vệ môi trường.

- Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Có thể nêu ra một ví dụ là chỉ thị số 36/CT\_TW ra ngày 25/06/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hoặc nghị quyết số 41/NĐ-TW ra ngày 15/11/2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bảo vệ môi trường là một nội dung không thể tách rời trong chủ trương, đường lối và kế hoạch tăng trưởng kinh tế xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng đảm bảo tăng trưởng bền vững, thực hiện thắng lợi sự

nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

- Cần tránh việc lặp lại sai lầm về môi trường và khai thác tài nguyên của các quốc gia khác đã mắc phải trong quá khứ. Vì vậy tăng trưởng kinh tế không chỉ đi đôi với bảo vệ môi trường mà còn phải gắn liền, liên kết hữu cơ với bảo vệ môi trường. Không thể có tăng trưởng kinh tế bền vững mà không đi liền với bảo vệ môi trường. Quan điểm này của Đảng cần được quán triệt sâu sắc và thể hiện trong mọi quy hoạch, kế hoạch. Văn hóa môi trường cần được xây dựng.
- Bảo vệ môi trường cần phải chú trọng giải quyết tốt mọi mâu thuẫn giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, giữa cục bộ và tổng thể.

## **KẾT LUẬN**

Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh mang lại tiềm năng để đạt được phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo. Tiềm năng này bắt nguồn từ một sân chơi đang thay đổi: thế giới của chúng ta, và những rủi ro chúng ta phải đối mặt, thay đổi về mặt vật chất, cũng như yêu cầu tư duy hoàn toàn mới về cách tiếp cận với nền kinh tế của chúng ta. Một nền kinh tế xanh có thể tạo ra hiệu quả cao với mức tăng trưởng tương đương với nền kinh tế nâu. Tuy nhiên, hiện nay, vẫn còn nhiều rủi ro và thách thức để có thể phổ cập rộng rãi xu hướng này trên toàn thế giới. Chính vì vậy, hướng tới một nền kinh tế xanh sẽ đòi hỏi nỗ lực của cả cộng đồng thế giới – các nhà lãnh đạo, xã hội dân sự và doanh nghiệp.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chỉ thị số: 36/CT-TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*
2. Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường (tài liệu dịch của UNEP) (2011). *Hướng tới nền kinh tế xanh, lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo. Báo cáo tổng hợp phục vụ các nhà hoạch định chính sách . Nhà xuất bản nông nghiệp.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*
4. TS.Nguyễn Trung Thắng, *Xu hướng tăng trưởng xanh trên thế giới*, Báo cáo tại hội thảo đối thoại chính sách phát triển xanh, cơ hội và thách thức cho Việt Nam.

### Website

6. PGS.TS.Nguyễn Thế Chinh, Viện Chiến Lược, Chính sách Tài nguyên và Môi, trường, *Chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế theo hướng nền kinh tế xanh ở Việt Nam.*

<http://isponre.gov.vn/home/dien-dan/763-chuyen-doi-phuong-thuc-phat-trien-kinh-te-theo-huong-nen-kinh-te-xanh-o-viet-nam>

7. *Kinh tế xanh: Những câu chuyện thành công trên thế giới.*

<http://www.cbcc.org.vn/phong-su-binh-lua/kinh-te-xanh-nhung-cau-chuyen-thanh-cong-tren-the-gioi/>

8. TS.Nguyễn Hoàng Oanh, *Kinh tế học xanh – Xu hướng phát triển của lý thuyết kinh tế hiện đại.*

<http://vominhtap.blogspot.com/2011/07/kinh-te-hoc-xanh-xu-huong-phat-trien.html>